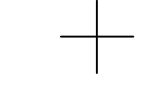


BẢNG TỌA ĐỘ RANH GIỚI M
(Theo hệ tọa độ và cao độ VN2000, kinh tuyến trục 107°15', múi chiếu 3°)

TÊN ĐIỂM GÓC	TỌA ĐỘ		DIỆN TÍCH (HA)
	X (M)	Y (M)	
1	2385 756	408 575	22.56
2	2385 955	408 606	
3	2385 954	408 721	
4	2385 949	408 775	
5	2385 947	409 128	
6	2385 911	409 192	
7	2385 685	409 128	
8	2385 573	409 043	
9	2385 428	408 764	

Tọa độ cực tuyến đường Công vụ No1				
TT	Tên cọc	X (m)	Y (m)	
1	0	2.385.787.13	408.880.49	
2	1	2.385.794.54	408.873.78	
3	2	2.385.801.95	408.867.06	
4	3	2.385.809.36	408.860.35	
5	4	2.385.816.77	408.853.64	
6	TD1	2.385.824.61	408.846.54	
7	P1	2.385.825.68	408.845.39	
8	TC1	2.385.826.57	408.844.10	
9	5	2.385.829.70	408.838.65	
10	6	2.385.834.67	408.829.97	
11	7	2.385.839.65	408.821.30	
12	TD2	2.385.844.40	408.813.02	
13	P2	2.385.846.15	408.810.78	
14	TC2	2.385.848.45	408.809.13	
15	8	2.385.852.67	408.806.92	
16	9	2.385.861.54	408.802.30	
17	TD3	2.385.866.89	408.799.51	
18	P3	2.385.868.48	408.798.20	
19	TC3	2.385.869.41	408.796.37	
20	TD4	2.385.871.15	408.789.90	
21	P4	2.385.872.11	408.788.02	
22	TC4	2.385.873.77	408.786.71	
23	TD5	2.385.877.19	408.785.03	
24	P5	2.385.880.50	408.782.42	
25	TC5	2.385.882.44	408.778.68	
26	10	2.385.884.16	408.772.35	
27	TD6	2.385.884.94	408.769.48	
28	P6	2.385.887.09	408.765.50	
29	TC6	2.385.890.78	408.762.87	
30	11	2.385.898.07	408.759.86	
31	TD7	2.385.904.57	408.757.18	
32	P7	2.385.907.93	408.754.90	
33	TC7	2.385.910.11	408.751.48	
34	12	2.385.911.81	408.746.99	
35	13	2.385.915.36	408.737.64	
36	14	2.385.918.90	408.728.29	
37	15	2.385.921.05	408.722.63	



		CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT MIỀN BẮC	
		CHỨC DANH	
Giám đốc	TS. Vũ Mạnh Hùng		
Chủ trì TK	TS. Vũ Mạnh Hùng		
Ng. Thiết kế	Th.S Vũ Đức Toàn		
Kiểm tra	KS. Nguyễn Văn Dũng		
KT-XB	Th.S Nguyễn T.T Hương	PH N Đ A CH T	
		B N Đ A HÌNH HI NTR NG	
		C PNH T NGAY 31/12/2024	
Giải đo n TK	T 1	Phòng TK	2025/TCT-TK-.02...
TKCS	T 1 : 1/1.000		